

TÂY NGUYÊN TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI CHAMPA THỜI KỲ CỔ - TRUNG ĐẠI

Đồng Thành Danh*

1. Dẫn luận

Vùng đất Tây Nguyên và đồng bào các dân tộc nơi đây⁽¹⁾ trước khi là một bộ phận không thể tách rời của đất nước và cộng đồng các dân tộc Việt Nam thống nhất đã trải qua một thời kỳ lâu dài gắn bó và liên hệ với các vương quốc cổ ở miền Trung Việt Nam, Campuchia, Lào... Vùng đất này thuộc cao nguyên Trường Sơn Nam, tầm mở rộng của nó không chỉ giới hạn ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng mà còn vươn xuống tận phần rìa phía tây của các tỉnh miền Trung, nơi cư trú của các cộng đồng nói tiếng Nam Đảo và Nam Á (H. Maitre 1912, 2008; Dam Bo 1950, 2003; Hickey 1982; Oscar Saleminck 2003).

Trong đó, vùng đất và các dân tộc ở vùng cao nguyên này đã từng đóng vai trò quan trọng trong sự cấu thành vương quốc Champa cổ, một vương quốc từng tồn tại ở miền Trung Việt Nam từ năm 192 đến năm 1832, có lãnh thổ chạy dài từ Quảng Bình đến Bình Thuận (G. Maspero 1928; Dohamide - Dorohiem 1965; Po Dharma 1987, 2012; Lafont 2011). Hơn thế nữa, hầu hết các nhà nghiên cứu đều tán đồng ý kiến rằng: Champa, trong thời kỳ đỉnh cao nhất của nó, không chỉ bao gồm vùng đồng bằng ven biển miền Trung mà còn bao gồm cả khu vực cao nguyên phía tây mà ngày nay chúng ta gọi là Tây Nguyên (T. Quach-Langlet 1988; Lafont 2011). Đi kèm với nhận thức này, chúng ta biết rằng Champa không phải chỉ là vương quốc của một dân tộc - dân tộc Chăm, như vẫn thường được hình dung, mà là một quốc gia đa dân tộc, bao gồm cả các sắc tộc ở Tây Nguyên hiện nay (B. Gay 1988: 52 - 56; Lafont 2011).

Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu mối liên hệ giữa vùng đất Tây Nguyên và Champa trong quá khứ là một trong những mảng nghiên cứu đáng chú ý và thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả. Một số nhà nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc khảo tả và liệt kê các di tích, dấu vết của Champa ở vùng Tây Nguyên (H. Maitre 1912, 2008; J. Dournes 1970; Lê Đình Phụng 1996; Nguyễn Thị Kim Vân 2015), trong khi một số khác lại cố gắng lý giải sâu hơn các mối liên kết này, không chỉ trên bình diện dân tộc học mà còn dựa trên các tương tác về kinh tế, chính trị liên vùng trong quá khứ (Li Tana 2013; Trần Kỳ Phương 2004, 2009; Nguyễn Phước

* Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm Ninh Thuận.

Bảo Đàn 2009; Andrew Hardy 2008, 2014; Nguyễn Hữu Thông 2015; Nguyễn Thị Hòa 2015).

Tuy nhiên, phần lớn những nghiên cứu này chỉ đề cập đến mối quan hệ giữa miền ngược với miền xuôi ở miền Trung Việt Nam bắt đầu từ thời kỳ Đảng Trong, còn những liên kết từ thời vương quốc Champa thì hoàn toàn không đề cập, hoặc chỉ đề cập một cách sơ lược, tản mạn. Chính vì lẽ ấy, việc nắm bắt một cách tường tận và chi tiết cơ chế vận hành của “Champa - Thượng” (theo cách gọi của J. Dournes 1970: 143 - 162), vẫn còn là một bí ẩn. Từ đó, nhiều câu hỏi vẫn còn được đặt ra: Làm thế nào những người Champa ở đồng bằng liên kết với các dân tộc ở Tây Nguyên? Họ xâm lược và thống trị nó ư, như cách mà một số người vẫn nói (H. Maitre 2008: 187 - 193; B. Bourotte 1955: 32 - 35; Ch. Meyer 1966: 20)? Hay nó được liên kết với Champa bằng những mối quan hệ mềm dẻo và ôn hòa hơn? Như quan hệ “kết nghĩa” chẳng hạn (Andrew Hardy 2014: 40, 100 - 101; Dominique Nguyen 2003: 6 - 10)? Nếu vậy thì mối quan hệ ấy vận hành như thế nào? Bài viết này, không thể trả lời đầy đủ những câu hỏi ấy, nhưng sẽ đóng góp một vài ý tưởng, hầu trả lời một phần trong những câu hỏi đó.

2. Những “giao kết” về kinh tế

Điều gì khiến cho những dân tộc xa lạ ở miền Trung - Tây Nguyên liên kết với nhau đầu tiên và trước nhất? Các truyền thuyết dân gian hay những liên kết về nhân chủng? Đó có thể là những câu trả lời thiếu chính xác. Các dân tộc khác nhau chỉ có thể xuất hiện trong các tác phẩm dân gian của nhau khi họ đã có những cuộc tiếp xúc đầu tiên, trước đó với nhau, vì suy cho cùng văn chương dân gian cũng chỉ là sản phẩm của con người. Về nhân chủng cũng vậy, con người ở thời cổ sơ không hề có tí gì khái niệm dân tộc hay chủng tộc, họ ít ra chỉ có những liên kết dựa vào huyết thống và sự gần gũi về địa lý.

Vậy thì, trong quan hệ giữa người Chăm (ở đồng bằng) với các sắc tộc (miền cao) điều gì đã kết nối họ lúc ban đầu? Nếu không phải là những liên kết về chính trị - quân sự thì cũng là những liên hệ về kinh tế. Trong nhãn quan đó, chúng tôi muốn tìm đến các *giao kết về kinh tế* đầu tiên, bởi vì xét cho cùng, các vấn đề vật chất cũng là vấn đề đầu tiên tạo nên sự trao đổi giữa các tộc người, chính trị chỉ là những yếu tố xuất hiện sau này. Trong thực tế, chính các hoạt động trao đổi, buôn bán giữa miền ngược với miền xuôi đã tạo ra những quan hệ đầu tiên giữa các tộc người mà sau này cấu thành nên những vương quốc tiền Champa. Những hoạt động này cho đến tận thời gian gần đây vẫn còn tồn tại, và nó sẽ còn dai dẳng khi mà nhu cầu mậu dịch của con người vẫn còn cần thiết.

Ngay từ những buổi đầu của nền văn minh, các dân tộc bản địa ở vùng cao và vùng thấp đã tiến hành các hoạt động trao đổi sơ khai nhất theo nghĩa của nó. Đầu

tiên, đó là những trao đổi về các sản phẩm tự nhiên và dễ khai thác nhất, các hàng hóa bằng thực vật và động vật. Người miền cao khai thác các sản phẩm từ rừng có thể là gỗ quý, trầm hương, ngà voi, thú rừng để trao đổi lấy các sản phẩm của đồng bằng như lúa, gạo, và xa hơn là các sản vật của biển khơi. Chỉ dấu của những liên kết này, cho đến những năm cuối thế kỷ XX, vẫn còn tồn tại trong hoạt động trao đổi thường xuyên giữa người miền ngược và người miền xuôi, từ đó mà xuất phát câu ca dao nổi tiếng: “*Ai về nhấc với nậu nguồn - Măng le gửi xuống, cá chuồn gửi lên*” (Trần Quốc Vượng 1998: 318; Li Tana 2013: 203).

Tuy nhiên để nhận biết chỉ dấu của môi giao thương thượng - hạ thời kỳ Champa, vấn đề không chỉ nằm ở những quan sát các cách thức trao đổi gần đây, mà ta cần nắm bắt những nguồn tư liệu có từ thời kỳ ấy. Khi khảo cứu những nguồn tư liệu của Trung Hoa, ta biết được rằng danh sách những mặt hàng công phẩm của Champa mang đến cho Trung Hoa chứa đầy các sản vật của núi rừng như là ngà voi, sừng tê, trầm hương, kỳ nam, và nhiều hương liệu, gỗ quý khác... và kỳ lạ thay, đây lại là những mặt hàng khiến Champa trở nên nổi tiếng trong khắp vùng. Cụ thể, sử liệu ghi nhận rất nhiều lần như vậy: vào năm 340, Champa lần đầu tiên cống voi cho Thiên triều, rồi rải rác sau đó cũng vậy, đến năm 630, Champa lại dâng cho Trung Hoa đá quý, voi thuần dưỡng...; năm 642 là 11 sừng tê giác, rồi các năm 711, 731, 749... đến tận năm 992, họ dâng đến 300 ngà voi, 2.000 cân hương liệu và 100 cân gỗ đàn hương; năm 1018, dâng 72 ngà voi, 86 sừng tê, 100 cân kỳ nam và 200 cân hương liệu... (H. Maitre 1912: 434 - 436; G. Maspero 1928: 88, 120 -121, 132, 138; Momoki Shiro 1999: 45).

Các đặc sản của núi rừng đã đóng một vai trò thiết yếu cho nền thương mại Champa cho đến tận giai đoạn hậu kỳ của vương quốc này cho dù lãnh thổ của nó đang dần thu hẹp về phương Nam. Cho đến tận thế kỷ XVII, các tài liệu phương Tây vẫn ghi nhận việc các tàu buôn của Hà Lan, Nhật Bản thường đến các cảng biển ở phía Nam Champa để buôn bán hương liệu, nổi tiếng nhất trong số đó là kỳ nam và trầm hương (Li Tana 2013: 203 - 204). Trong thế kỷ sau đó, các tài liệu của Việt Nam cũng ghi nhận các mặt hàng mà các phiên vương Champa cống nạp định kỳ cho chúa Nguyễn Đàng Trong,⁽²⁾ mà phần nhiều vẫn là lâm sản như ngà voi, sừng tê, gỗ mun... (Lê Quý Đôn 2007: 151; Danny Wong Tze Ken 2007: 133; Sakaya 2014: 519).

Điều gì khiến cho những hàng hóa của miền Thượng lại có mặt phổ biến đến mức thường xuyên trong các cống phẩm hay các mặt hàng xuất khẩu của Champa? Không còn nghi ngờ gì nữa, bằng một cách nào đó, các tiểu quốc Champa ở đồng bằng đã khai thác, thu nạp, trao đổi hoặc có thể cả cướp bóc để có nó. Vấn đề còn lại ở đây là những cách thức mà từ đó những hàng hóa này được đưa xuống vùng thấp, từ đó đến các cửa biển, rồi đem ra trao đổi, buôn bán và cống nạp cho ngoại

quốc. Tiếc thay, những tư liệu liên quan đến hoạt động này trong thời kỳ Champa không còn nhiều, chỉ có các tư liệu hoàng gia Champa mới phần nào cho ta lý giải hoạt động đó, nhưng nó cũng rất ít và chỉ đề cập đến hoạt động này từ khoảng thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX.⁽³⁾

Một trong những nguồn tư liệu như vậy cung cấp thông tin về hoạt động khai thác trầm hương vẫn còn diễn ra ở khu vực Phan Rang, Phan Rí cho đến tận thế kỷ XIX. Hoạt động này thường do nhà nước (của người Chăm) tổ chức, trong những lần mà vua Chăm cần kỳ nam hay trầm hương, ông sẽ cử một vị quan gọi là *Po Gahluw* đến vùng của người Raglai, phối hợp với người đứng đầu làng tổ chức chiêu mộ các thanh niên Raglai, hoặc ở một số làng đã có sẵn những đội như vậy để vào sâu trong rừng khai thác trầm và kỳ. Do đây là một công việc nguy hiểm, khó khăn, kéo dài trong nhiều tháng, nên trước khi đi họ thường tổ chức nghi lễ cúng tế và khi về thì cúng tạ ơn thần linh, trong quá trình đi cũng phải có nhiều kiêng cử, những người trong đội này cũng được triều đình ưu đãi ban phát trâu, ruộng và nhiều thứ bổng lộc khác (E. Aymonier 1891: 73 - 74; Sakaya 2013: 518 - 519).

Tuy nhiên, chỉ với ngần ấy tư liệu thì việc phục dựng lại hoạt động giao thương Đông - Tây trong thời kỳ Champa quả thật là một vấn đề nan giải. Để có được những lý giải sâu hơn, ta cần phải tham chiếu các hoạt động giao thương trong giai đoạn sau đó, khi người Việt đã làm chủ phần lãnh thổ của Champa trước đây. Cách thức và mô hình giao kết giữa người Việt với các sắc dân Tây Nguyên có thể là một gợi ý để ta hình dung cách thức và mô hình mà người Chăm đã liên kết với các dân tộc miền cao trong quá khứ, bởi vì xét cho cùng người Việt đã thừa hưởng cách thức và mô hình của người Chăm trước đó.

Chắc hẳn, trong buổi đầu của mỗi giao thương ấy, các hoạt động trao đổi đã phải men theo những con đường mòn qua các con đèo, mà ta gọi là các con đường thượng đạo, nơi giao cách giữa các tỉnh miền núi với đồng bằng, hoặc các giao điểm buôn bán. Người ta tìm thấy những con đường như vậy dọc miền Trung và Tây Nguyên như một con đường nối Kon Tum và Quảng Nam (Henri Maitre 2012: 442 - 443, 2008: 190), con đường qua thung lũng A Sap, A Vương men theo Sông Côn xuống tận Bến Giang, Bến Hiền (Le Pichon 1938: 7). Những con đường thượng đạo từ Lao Bảo xuống Cửa Việt (Quảng Trị) qua đèo Ai Lao, tập trung ở thị trấn Cam Lộ, một con đường khác cũng quan trọng không kém là đường qua An Khê nối Gia Lai với Bình Định, nơi từng chiếm vai trò then chốt trong hoạt động buôn bán của Nguyễn Nhạc, người thủ lĩnh của phong trào Tây Sơn (Li Tana 2013: 200 - 202). Đó cũng là những con đường của vùng Tây Nguyên từ Tây-Bắc xuống Đông-Nam, vượt qua núi, men theo các đỉnh, đổ xuống đồng bằng và cuối cùng đến Phan Thiết, Phan Rang, hoặc Nha Trang, đây là những “con đường của các thủ lĩnh”, gung Bôjai (đường đi Phan Thiết), gung Phôri (đường đi Phan Rí) (Dam Bo 2003: 36).

Trong thời kỳ sau này, khi Champa tham gia vào các hoạt động mậu dịch khu vực, hoạt động trao đổi được nâng lên tầm thương mại, vai trò của các con đường thượng đạo được bổ sung bởi các con đường ven sông, từ đây, thì những dòng sông đóng một vai trò chủ đạo trong hoạt động vận chuyển hàng hóa từ miền núi xuống đồng bằng. Vậy thì, các thiết chế trao đổi giữa miền xuôi và miền ngược ven các dòng sông đã được vận hành như thế nào trong quá khứ? Câu trả lời có lẽ được bắt đầu từ một mô hình giả định, của B. Bronson: “mạng lưới trao đổi ven sông” (riverine exchange network) (B. Bronson 1977: 39 - 52). Mô hình này được chấp nhận rộng rãi trong giới nghiên cứu về Champa, W. Southworth là người đầu tiên gợi mở việc áp dụng mô hình này vào Champa (W. Southworth 2004, 2011). Sau đó, các nhà nghiên cứu khác đi vào việc áp dụng các trường hợp cụ thể như Trần Kỳ Phương đã áp dụng mô hình này để nghiên cứu về Champa trong trường hợp của tiểu quốc Amaravati, mà ngày nay là tỉnh Quảng Nam với mô hình ven sông Thu Bồn (Trần Kỳ Phương 2009: 19 - 48) hay Đỗ Trường Giang áp dụng mô hình này với tiểu quốc Vijaya (Bình Định), trong trường hợp Sông Côn (Đỗ Trường Giang 2011: 285 - 314), Nguyễn Hữu Thông thì áp dụng mô hình ấy cho Sông Ba (Nguyễn Hữu Thông 2015).

Đọc lại những nghiên cứu này, chúng ta có thể phân nào hình dung được rằng, người xưa đã biến các dòng sông trở thành một trục lộ quan trọng trong con đường giao lưu và buôn bán Đông - Tây từ miền núi xuống đồng bằng. Trên vùng thượng nguồn của những trục sông ấy, người miền núi khai thác và sản xuất ra hàng hóa rồi đem đến trao đổi ở một nơi tập kết, thường là giao lộ của các con sông hay xa hơn là các cửa ngõ xuống đồng bằng qua các con đèo.⁽⁴⁾ Từ đây, những mặt hàng của người miền núi được trao đổi với các thương lái và sau đó vận chuyển xuống miền xuôi mà địa điểm cuối cùng thường là các cảng thị ven biển, trong lịch sử Champa đã có những cảng thị nổi tiếng như các cửa Đại Chiêm (Hội An), Thị Nại, và nhiều cảng thị ở phía nam miền Trung. Chính từ những cửa này mà người Việt thừa hưởng nó để thúc đẩy các hoạt động giao thương của Đàng Trong giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII (Trần Kỳ Phương 2004: 48 - 49; Nguyễn Phước Bảo Đàn 2009: 152 - 153; Nguyễn Hữu Thông 2015: 35 - 36).

Những tham chiếu này chỉ dựa trên các cứ liệu mô tả ít nhất là từ thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong, tức là khi người Việt bước đầu tạo nên các giao kết với các dân tộc bản địa Tây Nguyên. Câu hỏi đặt ra là, liệu người Chăm xưa có từng giao thương với các dân tộc miền núi như vậy hay không? Đến khi nào ta chưa có những nguồn tư liệu chính xác làm bằng chứng thì chưa thể kết luận được rằng người Chăm xưa có phải đã tạo nên những quan hệ kinh tế với người Thượng như người Việt sau này. Tuy nhiên, ta có thể kết luận rằng, bằng một cách nào đó, ngay từ rất sớm người Chăm và các sắc dân cao nguyên đã có những mối quan hệ trao

đổi, buôn bán, trong giai đoạn hậu kỳ của vương quốc Champa, những nguồn tư liệu đáng tin cậy cũng cho thấy, người Chăm ở đồng bằng đã trực tiếp tổ chức khai thác hay thậm chí thu nạp những lâm sản từ miền núi.

3. Những liên kết về chính trị

Những giao kết về kinh tế đã tạo nên sự gắn bó chặt chẽ giữa các vùng miền và tộc người, chính những giao kết ấy khiến cho các dân tộc Tây Nguyên gắn bó với nhau, và cũng chính nó gắn người miền cao với người Chăm, hay sau này là người Việt ở đồng bằng. Như một hệ quả tất yếu của những liên kết về kinh tế, những mối quan hệ về chính trị cũng hình thành, đến lượt mình, những sự phụ thuộc về chính trị này lại đóng một vai trò quan trọng và trực tiếp trong việc hình thành các quốc gia đầu tiên ở miền Trung Việt Nam, những quốc gia mà sau này sẽ hợp thành một “liên bang” hay “liên hiệp” Champa, như ta sẽ thấy (Lâm Thị Mỹ Dung 2015: 13 - 15).

Có hai xu hướng chính nhằm diễn dịch mối quan hệ chính trị giữa cao nguyên và đồng bằng: một xu hướng cho rằng, người Chăm đồng bằng đã tiến hành những cuộc giao tranh với các tộc người miền cao, để rồi từ đấy áp đặt một thiết chế hành chính, thu thuế và áp đặt nghĩa vụ lao dịch với các sắc tộc này, thống trị các sắc tộc ấy theo kiểu thuộc địa (Henri Maitre 2008: 187 - 193; B. Bourotte 1955: 32 - 35; Ch. Meyer 1966: 20); trong khi một số người lại bảo vệ quan điểm ngược lại, nhìn mối quan hệ này một cách mềm dẻo hơn, ôn hòa hơn, thậm chí miêu tả mối quan hệ này là thân thiện, như kiểu những liên minh về chính trị, quân sự (B. Gay 1988: 52 - 56; Dominique Nguyen 2003: 6 - 10; Andrew Hardy 2014: 40, 100 - 101). Tùy theo cách tiếp cận các nguồn tư liệu và quan điểm nghiên cứu khác nhau mà mỗi nhóm lại bảo vệ cho quan điểm riêng của mình.

Người Chăm xuất hiện khá sớm và phổ biến trong các truyền thuyết, sử thi của những sắc dân người Thượng. Cùng với sự đa dạng thành phần dân tộc ở Tây Nguyên là sự đa dạng trong cách nhìn của người bản địa về người Chăm đồng bằng. Trong một số huyền thoại của người Srê, người Mạ... người Chăm được mô tả như những kẻ xâm lược (J. Boulbet 1967: 67 - 75; Andrew Hardy 2014: 53 - 54), người Jarai lại lý giải sự tồn tại của các công trình tháp Chăm tại Tây Nguyên theo một nghĩa tiêu cực - là hệ quả của sự xâm chiếm (H. Maitre 1909: 220; J. Dournes 2013: 168 - 169). Trong khi những câu chuyện khác, có thể cũng của người Jarai hay người Raglai lại mô tả người Chăm là những người anh em, những đồng minh về quân sự trong các cuộc chiến chống ngoại bang hay những người thân thiện dù họ cũng là kẻ thống trị.⁽⁵⁾

Tuy nhiên đó chỉ là những tư liệu dân gian, trong bài viết này tác giả quan tâm nhiều đến các ghi chép về lịch sử. Những nguồn tư liệu đầu tiên ghi nhận về thành phần dân tộc của Champa chính là các văn bản Trung Hoa, mà sớm nhất (khoảng

thế kỷ III) có thể là một ghi chép về Lâm Ấp như sau: “...*Những bộ tộc của nó thật đông đảo, những nhóm người nhỏ trong các bộ tộc ấy sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau; tận dụng lợi thế địa hình núi non, họ không bao giờ chịu quy phục [triều đình Trung Hoa]...*” (Paul Pelliot 1903: 255). Sau đó, sang thế kỷ thứ IV, các sử liệu Trung Hoa lại ghi nhận sự va chạm đầu tiên giữa người đồng bằng với các sắc dân ở sâu trong vùng nội địa, đó là sự kiện vua Lâm Ấp Phạm Văn tiến hành các cuộc bình định trong xứ sở để thu phục các bộ tộc “man dã” đang thành lập các tiểu quốc (G. Maspero 1928: 52; H. Maitre 2008: 173 - 174). Ch. Meyer, lưu ý thêm trong số các dân tộc ấy: “*người Jarai và Rhade là hiếu chiến nhất*” (1966: 20).

Bước vào thời kỳ ảnh hưởng văn minh Ấn Độ các bia ký trở thành nguồn tư liệu quan trọng để xác nhận những liên hệ giữa Champa với các sắc dân cao nguyên. Ngay từ thế kỷ thứ IV, một văn bia ở Vat Laung Kau (gần đền thờ Wat Phu ở Bassac, Lào) đã chứng minh tầm ảnh hưởng của vương quốc Champa kéo dài đến tận vùng Champasak tức vùng Nam Lào (B. Gay 1988: 49 - 50; Dominique Nguyen 2003: 6). Tiếp đến, một văn bia Phật giáo có niên đại năm 914, được tìm thấy ở Kon Klor (Kon Tum) ghi nhận về việc xây dựng một đền thờ Bồ tát ở vùng đất này, sự xuất hiện của văn bia xác nhận việc xây dựng đền thờ của Champa ở đây cho thấy lãnh thổ Champa vào thời điểm này bao gồm cả vùng Kon Tum ngày nay (B. Gay 1988: 50; Lafont 2011: 27).

Khoảng thế kỷ XII, các bia ký Champa lần đầu tiên nhắc đến các sắc tộc miền núi với các danh xưng “Kiratas” (những người miền cao), “Mleccha” (những người hoang dã) (L. Finot 1904: 965 - 966; H. Maitre 1912: 429 - 430, 437, 2008: 174, 182; Dominique Nguyen 2003: 7 - 8; Dournes 2013: 168). Theo những nguồn tư liệu này, vào năm 1149, phía Bắc Champa nằm dưới sự cai trị của người Khmer, tiểu vương Panduranga là Jaya Harivarman I đã đem quân từ phía Nam ra chiếm cứ và giải phóng Vijaya, sau ngày thắng lợi ông không trao lại ngai vị cho hoàng tộc ở Vijaya mà tiếp quyền thống trị cả Champa. Vì vậy, ông phải khuất phục các dân tộc “*Radé, Mada và những người man di khác*” ở phía Tây, được gọi chung là Kiratas, để chống lại hành động này, vị “*vua của người Kiratas*” (có thể là thủ lĩnh của các dân tộc này) đã tôn hoàng tử Vangsaraja (em vợ của Jaya Harivarman I) lên làm vua và lãnh đạo cuộc đấu tranh. Tuy nhiên, cuộc phản kháng này thất bại, Vangsaraja phải chạy sang Đại Việt và bản thân các dân tộc miền núi phải thần phục Jaya Harivarman I (G. Maspero 1928: 158 - 159; Dohamide - Dorohiem 1965: 59; Lafont 2011: 161 - 162).

Bước sang thế kỷ sau, vùng cao nguyên và các sắc tộc ở đây cũng đóng một vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mông Cổ của Champa. Trong cuộc đối đầu với cuộc xâm lăng của nhà Nguyên, từ năm 1282 - 1284, vua Indravarman V và hoàng tử Harijit (sau này là vua Jaya Sinhavarman III, tức Chế

Mân) đã cho rút quân tạm thời từ kinh thành Vijaya về sâu trong miền núi để thực hiện cuộc kháng chiến lâu dài.⁽⁶⁾ Từ đây, vùng đất cao nguyên trở thành hậu cứ của quân Champa, và bản thân các sắc dân miền núi ở đây cũng sát cánh bên cạnh người Chăm tiến hành cuộc kháng chiến chống lại quân Mông - Nguyên hùng mạnh, điều này phần nào cho thấy họ cũng là thần dân và có nghĩa vụ tranh đấu vì vương quốc Champa (G. Maspero 1928: 175 - 187; Dohamide - Dorohiem 1965: 73 - 74; Dominique Nguyen 2003: 8 - 9; Lafont 2011: 170 - 171).

Bước vào thế kỷ XV, bia ký Drang Lai (C43)⁽⁷⁾ cho ta một cái nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về mối liên hệ mật thiết về chính trị giữa triều đình Champa với các dân tộc ở miền núi. Theo bia ký này, vào khoảng năm 1415 và 1435, vua Champa ở Vijaya là Virabhadravarmān đã thu phục “*Vị vua vĩ đại của người miền núi*” và “*vua của loài voi*” (Sri Gajaraja) làm chư hầu của mình. Bằng sự bảo trợ này, vua Champa đã cho xây dựng các đền thờ thần Shiva (dưới tên gọi Kiratesvara), đồng thời cho xây dựng các hệ thống thủy lợi, đường sá cho vùng cao, bản thân các vị vua chư hầu phải huy động thần dân trong vùng, đảm bảo công việc trồng lúa, điều tiết thủy lợi để cung cấp hoa lợi cho việc phụng thờ thần Shiva (Arlo Griffiths và đồng sự 2012: 43 - 56). Nội dung của bia ký Drang Lai cùng với các phế tích đền tháp Hindu quanh thung lũng Cheo Reo - Ayun Pa cho thấy một mức độ ảnh hưởng sâu sắc của người Chăm ở đồng bằng đối với các dân tộc ở vùng này, nhất là người Jarai (H. Maitre 1912: 442 - 443, 2008: 190; Dournes 2013: 167).

Từ sau thế kỷ XV, các thư tịch cổ của người Chăm (bao gồm cả các văn bản chính thống của hoàng gia) càng cho thấy rõ nét hơn mối quan hệ giữa người Chăm và các sắc dân miền núi (bao gồm K’ho, Rhade, Churu, Raglai...) như là những thần dân của cùng một vương quốc. Theo những nguồn tư liệu này, vùng đất mà các sắc dân này sinh sống thuộc sự quản lý trực tiếp của vị Thuận Thành vương (vua Champa thời chúa Nguyễn), họ có trách nhiệm hay nghĩa vụ nộp các sản vật, thuế khóa và quân lính cho trấn Thuận Thành, tức là Champa dưới thời chúa Nguyễn (H. Maitre 1912: 446, 2008: 195; Shine Toshihiko 2007; Po Dharma 2012: 93, 127; Đồng Thành Danh 2016). Ngoài ra, các dân tộc miền núi còn có vai trò giữ gìn các vật phẩm của vua, chúa Champa, như người K’ho ở Lavang (Lâm Đồng) lưu giữ Tư liệu Hoàng gia Champa mà người Pháp đã đem sang Paris lưu trữ, người Raglai ở Ninh Thuận, Bình Thuận thì lưu giữ y trang, phẩm vật của các vua thần Chăm, hằng năm họ vẫn đem những vật phẩm này xuống vùng người Chăm để thực hiện các nghi thức phụng tế thần linh (E. Durand 1907; H. Maitre 1912: 447, 2008: 195 - 196; Sakaya 2013: 257 - 258).

Mặt khác, những điều này không phản ánh rằng, các dân tộc miền cao chỉ có vai trò thấp kém (so với người Chăm) trong vương quốc, ngược lại họ nắm giữ các vai trò quan trọng, tham gia vào các vị trí then chốt trong cơ cấu chính quyền

Champa. Những nguồn tư liệu cho thấy, vua Po Romé (1627 - 1651), một vị vua Champa nổi tiếng, có nguồn gốc là người Churu, trong khi vị hoàng hậu (thứ 2) của ông là người Rhade, dưới thời gian ông trị vì các vị quan lại cũng có nhiều người xuất thân từ các dân tộc miền núi như Churu, Raglai, K'ho... (Hickey 1982: 113; B. Gay 1988: 50 - 51; Dominique Nguyen 2003: 9 - 10; Po Dharma 2012: 13). Thêm vào đó, vào năm 1834, trong phong trào phản kháng cuối cùng của Champa chống lại triều đình Minh Mạng, người Chăm và các sắc dân miền núi đã tôn một nhân vật người Raglai lên làm vua, tức Ja War Palei, đồng thời tôn một nhân vật Churu làm hoàng tử kế vị, tức Yang Aia Harei (Po Dharma 147 - 148; Lafont 2011: 215).

Sau khi nghiên cứu các nguồn tư liệu và nhìn lại các xu hướng đánh giá về mối quan hệ chính trị Chăm - Thượng, chúng tôi hiểu rằng, vấn đề không nằm ở nguồn tư liệu, mà nằm ở chỗ các nhà nghiên cứu sử dụng các tư liệu ấy. Sự liên kết chính trị này phức tạp hơn những gì mà tư liệu ghi nhận, cách thức mà mối liên kết này hoạt động (theo hai xu hướng đối địch và thân thiện) còn tùy thuộc vào những vùng, những nhóm sắc tộc và các giai đoạn lịch sử khác nhau. Rằng, những cuộc xung đột (nếu có), thì chỉ được áp dụng trong từng thời điểm (thời Lâm Ấp), từng tộc người (như các nhóm sắc dân ở xa người Chăm đồng bằng) hay như J. Dournes mô tả những cuộc xung đột này chỉ mang tính địa phương (J. Dournes 2013: 169). Và rằng, ngay từ buổi ban đầu gặp gỡ, người Chăm đã là anh em với người Thượng, chính họ đã là những đồng minh trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và ngay cả các cuộc nội chiến. Chính những sắc dân thiểu số cũng đã đóng một vai trò quan trọng trong việc cấu thành nên hệ thống chính trị, quân sự và tôn giáo của vương quốc Champa.

Đến đây, một câu hỏi được đặt ra rằng: Vậy thì những liên kết chính trị này được vận hành như thế nào? Điều gì giúp duy trì, thúc đẩy sự liên kết ấy trong suốt tiến trình lịch sử? Câu hỏi có phải nằm ở một thiết chế thủ lĩnh “liên làng” hay “siêu làng” như kiểu thiết chế Potao mà J. Dournes và A. Hardy từng gọi mở?⁽⁸⁾ Từ đó mà suy rộng ra, các sắc tộc Tây Nguyên xưa đã tạo ra một hệ thống các thủ lĩnh (tùy theo cách gọi của từng tộc người) của làng hoặc liên làng,⁽⁹⁾ những thủ lĩnh này không chỉ có vai trò liên kết với thần linh mà còn chịu trách nhiệm đối ngoại với các thế lực bên ngoài, trong đó có những người Champa đồng bằng. Thế nhưng, điều duy nhất mà chúng ta có thể biết hôm nay là thiết chế Potao (của người Jarai), chúng ta chưa biết gì hết về những thiết chế tương tự ở các dân tộc khác, do đó, sự tồn tại của những thiết chế như vậy, vẫn còn là giả thiết.

4. Kết luận

Khép lại một nghiên cứu về Champa hay Tây Nguyên, *lúc nào cũng vậy*, chúng tôi vẫn còn nhiều câu hỏi, như thế chúng tôi đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi này, để rồi nhận lại những câu hỏi khác. Bài viết này cũng vậy, câu hỏi

được đặt ra là: Khi ta đã biết đến giả thiết về một “hệ thống trao đổi ven sông” ở Amaravati và Vijaya, thì liệu hệ thống này có tồn tại ở các tiểu quốc phía Nam (như Kauthara và Panduranga) hay không? Nếu có, thì nó vận hành thế nào? Và liệu có phải chỉ có các dòng sông mới giữ vai trò “liên kết” kinh tế giữa miền cao và miền thấp Champa? Mặt khác, về những liên kết chính trị, liệu có hay không sự tồn tại của các thiết chế để liên kết Chăm - Thượng? Như kiểu thiết chế Potao, của người Jarai. Nếu quả có những thiết chế như vậy thì nó hoạt động ra sao? Đó vẫn là những câu hỏi còn để ngỏ!

Nhiều câu hỏi còn ở đó, nhường chỗ cho những nghiên cứu về sau. Thiết nghĩ những nghiên cứu này là hữu ích, và cần thiết cho chính thực tiễn hôm nay, bởi vì nó là nền tảng cho những nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về Tây Nguyên. Những nghiên cứu đó giúp chúng ta có những hiểu biết về tâm lý và cách ứng xử với người bản địa Tây Nguyên, để rồi từ đó khai thác, nắm bắt những tri thức và những đặc thù truyền thống của khu vực, nhằm phục vụ cho tiến trình phát triển bền vững ở khu vực Tây Nguyên.

Đ T D

CHÚ THÍCH

- (1) Tên gọi Tây Nguyên chỉ bắt đầu xuất hiện từ sau năm 1975, trước đó vào thời Việt Nam Cộng hòa vùng này thường được gọi là cao nguyên Trung Phần, thời thuộc địa được gọi là Xứ Thượng Nam Đông Dương hoặc cao nguyên Trung Kỳ. Xa hơn vào thời tiền thực dân nó có thể được gọi là châu Thượng Nguyên (Cửu Long Giang - Toan Ánh 1974; Lê Đình Chi 2006; Oscar Salemink 2003).
- (2) Lưu ý rằng vào thời điểm này Champa vẫn còn tồn tại (cho đến tận năm 1832) với tư cách một phiên quốc (được gọi là trấn Thuận Thành) lệ thuộc các chúa Nguyễn và vua Nguyễn với một tổ chức hành chính, quân đội, pháp luật, thuế khóa... riêng, đứng đầu bởi một phiên vương, gọi là Thuận Thành Vương (Po Dharma 1987, 2012; Đồng Thành Danh 2016).
- (3) Tư liệu Hoàng gia Champa là tập hợp các văn bản của triều đình Champa, từ năm 1702 đến năm 1832, bao gồm các văn kiện hành chính, thuế khóa, khế ước, địa bạ,... được viết chủ yếu bằng chữ Chăm và một số bằng chữ Hán hiện đang được lưu trữ tại Pháp (E. Durand 1907: 353 - 355).
- (4) Các mặt hàng chủ yếu của các sắc dân cao nguyên ngoài lâm sản còn có các mặt hàng do họ làm ra như các dụng cụ bằng sắt của người Sedang, vải của người Bana, hay các tấm chăn bông, trang phục thêu, dệt, trang sức bằng ngà voi của người Mạ... (Dambo 2003: 27 - 28; Li Tana 2013: 202).
- (5) Người Raglai và người Chăm có câu: “*Cam xa-ai, Raglai adei*” (Chăm là chị, Raglai là em), trong khi theo tài liệu của J. Dournes, dẫn lời nói của người bản địa: “*Chúng ta và người Chăm là anh em cùng một mẹ*” (Dẫn theo: Dam Bo 1950: 22 - 23); cũng chính Dam Bo trích lại truyền thuyết của người Tây Nguyên về một vị thủ lĩnh Chăm chống lại người Việt, vị thủ lĩnh này đã kêu gọi các dân tộc cao nguyên giúp sức cho mình, lực lượng của ông bao gồm người Srê, người Mạ, người Noang và Raglai (Dam Bo 1950: 25).

- (6) Tư liệu không ghi nhận chính xác về vùng núi mà triều đình Champa chọn làm hậu cứ trong cuộc đối đầu với nhà Nguyên. Tuy nhiên, vào thời điểm ấy, theo một sổ chú thích của Nguyên sử và ghi chép của Marco Polo lãnh thổ phía Tây của Champa, lúc bấy giờ, có thể kéo dài đến tận khu vực Kon Tum và Pleiku (Lafont 2011: 28).
- (7) Bia ký này được tìm thấy ở tháp Yang Mum (Ayun Pa, Gia Lai) nên thường được gọi là bia ký Yang Mum hay Cheo Reo (tên gọi trước của Ayun Pa). Nhưng nguồn gốc thật sự của nó là ở một ngôi đền khác gần đó gọi là Drang Lai, do đó bia ký này phải được gọi là Drang Lai (Arlo Griffiths và đồng sự 2012: 43 - 44).
- (8) Theo A. Hardy: "...người Jarai, khi họ sáng tạo ra thiết chế Potao, có lẽ đã hoàn thiện một hệ thống dùng để tạo lập và duy trì các quan hệ kết nghĩa với những vị vua cai trị Champa: hệ thống Potao bản thân nó có thể đã xuất hiện từ mối quan hệ như thế..." (2014: 101).
- (9) Các sắc tộc Tây Nguyên thường tạo nên các liên minh từ các vị trí địa lý gần nhau chứ không dựa vào tộc người, trong nhiều trường hợp người Bana liên kết với người Jarai, người Xơ-đăng để tấn công một làng Bana khác...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aymonier. E (1891), *Les Tchames et Leurs religion*, Ernest Leroux, Paris.
2. Bourotte. B (1955), "Essai d'histoire des Populations Montagnardes du Sud Indochinois", *BSEI* XXX, 1, 17 - 116.
3. Boulbet. J (1967), *Pays des Maa, domaine des génies, Nggar Maa, Nggar Yang: Essai d'ethno-histoire d'une population proto-indochinoise du vietnam central*, École Française d'Extrême-Orient (EFEO), Paris.
4. Bronson. B (1977), "Exchange at the upstream and downstream ends: Notes toward a functional model of the coastal state in Southeast Asia". Trong *Economic Exchange and Social Interaction in Southeast Asia: Perspectives from prehistory, history, and ethnography*, Karl L. Hutterer (Chủ biên), University of Michigan, Center for South and Southeast Asian Studies, 39-52.
5. Cửu Long Giang - Toàn Ánh (1974), *Cao Nguyên miền Thượng*, Saigon.
6. Lê Đình Chi (2006), *Người Thượng miền Nam Việt Nam*, Văn Mới, California.
7. Durand. E. M (1907), "Les archives des derniers rois Chams", *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient (BEFEO)* VII, 353 - 355.
8. Dohamide - Dorohiem (1965), *Dân tộc Chăm lược sử*, Saigon.
9. Dam Bo (1950), "Les Populations Montagnardes du Sud - Indochinois", *France - Asie*, Paris.
10. Dam Bo (2003), *Miền đất huyền ảo*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
11. Dournes. J (1970), "Recherches sur le Haut Champa", *France - Asie*, 24 - 2: 143 - 162.
12. Dournes. J (2013), *Potao: một lý thuyết về quyền lực của người Jarai Đông Dương*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
13. Dominique Nguyen (2003), *Từ vùng Hroi - Việt*, IOC - Champa, San Jose.
14. Danny Wong Tze Ken (2007), *The Nguyen and Champa during 17th and 18th century*, IOC - Champa, San Jose.
15. Lâm Thị Mỹ Dung (2016), "Miền Trung Việt Nam thời kỳ hình thành nhà nước sớm qua nghiên cứu phân bố và tính chất của các địa điểm khảo cổ học", Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 1, tháng 10, 1 - 15.

16. Đồng Thành Danh (2015), “Bàn thêm về phiên quốc Panduranga - Champa hay trấn Thuận Thành, phủ Bình Thuận (thế kỷ XVII - XIX)”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9 (485), 71 - 78.
17. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ Biên tạp lục*, phần 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Nguyễn Phước Bảo Đàn (2009), “Từ con đường muối: nhận diện mạng lưới trao đổi muối ngược ở miền Trung Việt Nam trong lịch sử”. Trong *Nhận thức về miền Trung Việt Nam-hành trình 10 năm tiếp cận*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 151-218.
19. Finot. L (1904), “Notes d'épigraphie: XI. Les inscriptions de Mi-Son”, *BEFEO*, IV, 897 - 977.
20. Gay. B (1988), “Vue Nouvelle sur la composition ethnique du Champa”, *Actes du Séminaire sur le Campa organisé à l'Université de Copenhague*, Travaux du CHCPI, Paris, 49 - 58.
21. Griffiths, Arlo và đồng sự (2012), *Văn khắc Chăm tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng*, Nxb Đại học Quốc gia, TP Hồ Chí Minh.
22. Đỗ Trường Giang (2011), “Biển với lục địa - thương cảng Thị Nại Champa (Champa) trong hệ thống thương mại Đông Á (Thế kỷ X - XV)”. Trong *Người Việt với biển*, Nguyễn Văn Kim (Chủ biên), Nxb Thế giới, Hà Nội, 285 - 314.
23. Hickey, Gerald C (1982), *Sons of the Mountains: Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands to 1954*, Yale U.P, New Haven/London.
24. Hardy, Andrew (2008), “‘Nguồn’ trong kinh tế hàng hóa ở Đàng Trong”. Trong *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, UBND tỉnh Thanh Hóa - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Nxb Thế giới, Hà Nội, 55-65.
25. Hardy. A (2014), *Nhà nhân học chân trần: nghe và đọc Jacques Dournes*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
26. Nguyễn Thị Hòa (2015), “Những con đường giao thương từ cao nguyên đến ven biển miền Trung trong lịch sử”, Tạp chí *Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 18, số XI, 33 - 38.
27. Lafont. P-B (2011), *Vương quốc Champa: địa dư - dân cư - lịch sử*, IOC - Champa, San Jose.
28. Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 - 18*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
29. Maspero G (1928), *Le Royaume de Champa*, G. Van Oest, Paris.
30. Maitre, Henri (1912), *Les Jungles Moï: Mission Henri Maître (1909-1911)*, Indochine Sud-Centrale, Larose, Pans.
31. Maitre. H (2008), *Rừng người Thượng*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
32. Meyer, Ch (1966), “Kambuja et Kirata”, *Études Cambodgiennes* 5, 17 - 33.
33. Pelliot. P (1903), “Le Pou - Nan”, *BEFEO* III, Paris, 248 - 303.
34. Pichon. Le (1938), “Les Chasseurs de Sang”. Trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (Tập san *Những người bạn Cổ đô Huế*), No 4, Bản dịch của Nguyễn Phước Vĩnh Tùng (bản PDF).
35. Po Dharma (1987), *Le Panduranga (Campa): Ses rapports avec le Vietnam (1802- 1835)*, EFEO, tome I (2 tome), Paris.
36. Po Dharma (2012), *Vương quốc Champa lịch sử 33 năm cuối cùng*, IOC - Champa, San Jose.
37. Lê Đình Phụng (1996), “Những di tích văn hóa Chăm pa ở Tây Nguyên”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 4, 48 - 59.
38. Toshihiko. Shine (2007), “Montagnards and the Cham Kings: Labor and Land Administration as seen in the Documentary and Oral Archives”, Tham luận tại Hội thảo quốc tế *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận Nhân học*, TP Hồ Chí Minh.

39. Trần Kỳ Phương (2004), "Bước đầu tìm hiểu về địa-lịch sử vương quốc Chiêm Thành (Champa) ở miền Trung Việt Nam: với sự tham chiếu đặc biệt vào "hệ thống trao đổi ven sông" của lưu vực sông Thu Bồn ở Quảng Nam". Trong *Thông tin khoa học*, Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại thành phố Huế, số tháng 3.
40. Trần Kỳ Phương (2009), "Thung lũng sông Thu Bồn: Một mẫu hình của phương thức trao đổi ven sông nổi kết thượng đạo Đông - Tây ở miền Trung Việt Nam", Tập san *Nghiên cứu Văn hóa miền Trung*, Phân viện VHNT Việt Nam tại Huế, 19 - 48.
41. Quach-Langlet T (1988), "Le cadre historique de l'ancien Campa". Trong *Actes du séminaire sur le Campa organisé à l'Université de Copenhague*, Travaux du CHCPI, Paris, 27 - 47.
42. Salemin, Oscar (2003), *The Ethnography of Vietnam's Central Highlander*, University of Hawai'i Press, Honolulu.
43. Southworth W (2004), "The coastal states of Champa". Trong *Southeast Asia: from prehistory to history*, Glover I, Bellwood PS, editors, Routledge Curzon, London, 209 - 233.
44. Southworth W (2011), "River Settlement and Coastal trade towards a specific model of early state development in Champa". Trong *The Cham of Vietnam: History, society, and arts*, Bruce Lockhart and Tran Ky Phuong (ed), NUS Press, Singapore, 102 - 119.
45. Sakaya (2013), *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
46. Shiro. M (1999), "Champa chỉ là một thể chế biển? (Những ghi chép về nông nghiệp và ngành nghề trong các tư liệu Trung Quốc)", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4, 43 - 48.
47. Nguyễn Hữu Thông (2015), "Sông Ba: giao lộ chính trị - kinh tế - văn hóa đặc thù", *Thông báo khoa học*, Đại học Văn Hiến, số 7, tháng 5, 33 - 45.
48. Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
49. Nguyễn Thị Kim Vân (2015), "Dấu ấn văn hóa Champa trên đất Gia Lai", Tạp chí *Di sản Văn hóa*, số 3 (52), 58 - 61.

TÓM TẮT

Mục đích của bài viết nhằm tìm hiểu về mối liên hệ giữa vùng đất Tây Nguyên ngày nay với vương quốc Champa cổ. Trước hết, là cách thức mà người miền núi và miền xuôi tạo ra và duy trì những nổi kết về kinh tế trong thời kỳ cổ - trung đại. Sau đến là cơ chế vận hành của những thiết chế chính trị để Champa vươn thể lực của mình lên đến các dân tộc cao nguyên trong thời kỳ mà vương quốc này còn tồn tại. Từ đó, phần nào sẽ gợi mở những ý tưởng giúp tìm hiểu về cách thức mà người Việt (với tư cách là những người tiếp nối người Chăm cổ) liên kết với các sắc dân Tây Nguyên sau này.

ABSTRACT

THE CENTRAL HIGHLANDS IN RELATION TO THE KINGDOM OF CHAMPA IN THE ANCIENT AND MIDDLE AGES

The purpose of this article is to learn about the relationship between today's Central Highlands and the ancient Kingdom of Champa. First of all, it discusses the way in which the mountainous people and the lowland people create and maintain economic links in the ancient and middle ages; then the operational mechanism of political institutions for the Kingdom of Champa to expand its power to the mountainous tribes. Finally, the article suggest some ideas about the way that the Vietnamese (as the followers of ancient Cham people) associated with other peoples in the Central Highlands later.